



guāng tāo

光 煮

adjective · bright and shining

Example Sentence

Guāng tāo de dēng guāng zhào liàng le zhěng gè fáng jiān
光 煮 的 灯 光 照 亮 了 整 个 房 间 。

The bright and shining light illuminated the entire room.

Trace each character, then write the word on your own.

光	光	光	光	光	光	光	光	光			
煮	煮	煮	煮	煮	煮	煮	煮	煮	煮	煮	
煮	煮	煮									